CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

Hà Nội, tháng 5 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

K·I·P

OKOM VINAKIP

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

1. Chương trình họp ĐHĐCĐ

2. Báo cáo của Ban điều hành

3. Báo cáo của Hội đồng quản trị

4. Báo cáo của Ban kiểm soát

5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (đính kèm Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2017)

6. Tờ trình thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên 45,6 tỷ đồng (đính kèm Báo cáo tình hình sử dụng vốn)

7. Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

8. Tờ trình xin phê chuẩn quyết định bổ nhiệm bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014 - 2019

9. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

10. Tờ trình về một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018 và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018

11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

12. Dự thảo Điều lệ Công ty

13. Tờ trình về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ

14. Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ

15. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ

16. Mẫu Phiếu biểu quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

K·I·P

OKOM VINAKIP

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thời gian tổ chức: Ngày 15 tháng 5 năm 2018

Địa điểm : Tại Hội trường Khách sạn Bạch Dương

TT	Thời gian	Nội dung Đại hội
I.	**PHẦN CỦA BTC**	
1	8 giờ 00 - 8 giờ 45	Đón tiếp Đại biểu
2		Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu
3		Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội
4		Biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch
II.	**PHẦN CỦA CHỦ TỌA**	
1	8 giờ 45 - 10 giờ 30	Biểu quyết thông qua Đoàn thư ký, Ban kiểm phiếu
2		Thông qua Chương trình và quy chế làm việc tại Đại hội.
3		Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động SX - KD năm 2017.
4		Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017
5		Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017
6		Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và Báo cáo tình hình sử dụng vốn
7		ĐH tiến hành bầu cử bổ sung thành viên BKS
8	10 giờ 30 - 12 giờ 15	Thông qua Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
9		Thông qua Tờ trình xin phê chuẩn quyết định bổ nhiệm bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014 - 2019
10		Thông qua các Tờ trình của Hội đồng quản trị: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017; Tờ trình một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018 và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.
11		Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
12		Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ
11		Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu
12		Thông qua Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ
13		Tuyên bố kết thúc, bế mạc ĐHĐCĐ

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 532 /BC-KIP	*Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2017

1. Bối cảnh chung

Tình hình SXKD của các doanh nghiệp trên cả nước còn gặp nhiều khó khăn. Áp lực cạnh tranh giữa các đối thủ trong nước ngày càng lớn, nhất là cạnh tranh về giá bán, cơ chế bán hàng; đặc biệt có sự cạnh tranh không lành mạnh do hàng nhập lậu, hàng giả, hàng nhái, …

Hoạt động SXKD của K.I.P Việt Nam cơ bản duy trì được tính ổn định (dù các chỉ tiêu tài chính của năm chưa hoàn thành 100% theo kế hoạch ĐHĐCĐ giao phó), do có định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực trong công tác điều hành và tinh thần trách nhiệm cao của toàn thể đội ngũ người lao động.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

a) Các chỉ tiêu trọng yếu thực hiện trong năm 2017

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2017	TH 2017/ TH 2016
1	Tổng doanh thu	Đồng	315.000.000.000	294.683.058.089	93,6	98,2
2	Lợi nhuận TT	Đồng	15.000.000.000	15.076.576.764	100,5	86
3	Tổng đầu tư (không gồm VAT)	Đồng	21.000.000.000	9.277.976.731	44,2	97
4	Thu nhập BQ	Đồng/ng/th		8.025.765		96,6

** Các chỉ tiêu tài chính khác: tham khảo tại Báo cáo tài chính năm 2017*

2. Kết quả thực hiện các mặt công tác khác

a) Công tác kinh doanh - thị trường

Năm 2017, hệ thống các Nhà phân phối của Công ty đã được duy trì và phát triển thêm nhiều Nhà phân phối mới. Nhiều chính sách kích cầu tiêu thụ sản phẩm tiếp tục được Ban điều hành triển khai trong năm qua, nên đã duy trì được mức tiêu thụ sản phẩm tương đối ổn định so với năm trước, mặc dù phải chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối

thủ về giá bán (các đơn vị này không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, chi phí theo luật định) và sự xâm nhập đa dạng của hàng hóa Trung Quốc vào thị trường Việt Nam.

b) Công tác tổ chức sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm

Công tác tổ chức sản xuất được triển khai nhịp nhàng, ăn khớp giữa các bộ phận, đảm bảo tính chủ động trong toàn bộ quá trình sản xuất. Hoạt động kiểm soát quá trình sản xuất tại Công ty; kiểm soát vật tư, nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục được triển khai có hiệu quả, theo hướng ngày càng chặt chẽ, gắn với các tiêu chí đo lường cụ thể hơn. Hoạt động tự kiểm tại Công ty và các đơn vị gia công bên ngoài được kiểm soát và đạt chất lượng cao hơn các năm gần đây.

Trước yêu cầu chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO, từ quý 2 Công ty đã tập trung công tác xây dựng tài liệu, quy trình, tổ chức đánh giá chứng nhận lại hệ thống ISO theo phiên bản năm 2015. Đến cuối tháng 02/2018, Quacert cấp chứng nhận theo phiên bản mới ISO 2015 đối với cả 2 hệ thống (ISO 9001, ISO 14001) cho K.I.P Việt Nam.

Năm 2017, Công ty thực hiện thiết kế 11 loại sản phẩm mới, cải tiến 13 loại sản phẩm và 5 chi tiết được thiết kế cải tiến về công nghệ để giảm thiểu thời gian gia công, tiết kiệm vật tư, tăng năng suất lao động. Đây là kết quả nỗ lực chung của khối kỹ thuật và có được sự phối hợp khá tốt từ các đơn vị chức năng.

c) Công tác đầu tư

Kế hoạch đầu tư năm 2017 được ĐHĐCĐ phê duyệt là 21 tỷ đồng, thực tế tại Báo cáo tài chính năm 2017 đã ghi nhận tổng mức đầu tư đến ngày 31/12/2017 là 9,277 tỷ đồng, bao gồm đầu tư một số thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, khuôn mẫu và một số công trình xây dựng cơ bản khác.

* Một số hợp đồng triển khai thực hiện dở dang năm 2017, phải chuyển sang quyết toán năm 2018 là trên 11 tỷ đồng.

Quá trình đầu tư đều thực hiện đúng các thủ tục, đảm bảo tiến độ đối với các hạng mục đầu tư.

d) Các mặt công tác khác

Công tác tài chính kế toán được kiểm soát tốt, quản lý chặt chẽ các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất - kinh doanh. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo luật định. Quan hệ lao động hài hòa, ổn định, không có khiếu nại tố cáo, tranh chấp lao động, đình công xảy ra.

Công ty đã phát hành thành công 1.120.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, nâng mức vốn điều lệ từ 45,6 tỷ đồng lên 56,8 tỷ đồng. Quá trình triển khai công tác phát hành đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Chứng khoán.

Trong tháng 12 Công ty đã chính thức thay đổi tên thành Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam. Theo đó, công tác xây dựng hệ thống nhận diện theo thương hiệu mới, nhận diện thương hiệu sản phẩm cao cấp của K.I.P Việt Nam và các hoạt động liên quan cũng đã và đang được triển khai song hành, đảm bảo tính tương thích kịp thời.

PHẦN II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Căn cứ thực tế hoạt động sản xuất - kinh doanh tại Công ty, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và định hướng về các giải pháp thực hiện cho năm 2018 như sau:

1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng doanh thu	Đồng	494.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	17.000.000.000
4	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL/năm	10%
5	Tổng mức đầu tư	Đồng	90.000.000.000

2. Các giải pháp thực hiện

a) Đầu tư cơ sở hạ tầng để mở rộng sản xuất, trang thiết bị và nguồn nhân lực, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trên tất cả các mặt công tác.

b) Tổ chức sản xuất theo hướng chủ động hơn, trên cơ sở có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị sản xuất và bộ phận kinh doanh - marketing.

c) Tập trung phát triển vùng thị trường miền Nam và tập trung khai thác sâu vào thị trường các dự án, để thúc đẩy doanh thu.

d) Thực hiện quy trình quản lý rủi ro theo yêu cầu của hệ thống QLCL và QLMT theo phiên bản mới ISO 2015, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

Phùng Đệ

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- Ban LĐ, HĐQT, Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 106 /BC-HĐQT	*Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

**** Về tổ chức của Hội đồng quản trị***

HĐQT Công ty CP K.I.P Việt Nam nhiệm kỳ 2014 - 2019 gồm 5 thành viên:

- Ông Phùng Đệ

- Ông Lê Xuân Thành

- Ông Hoàng Anh Dũng

- Ông Tạ Trung Hiếu

- Ông Hoàng Đình Phẩm

HĐQT đã họp và bầu ông Phùng Đệ làm Chủ tịch.

Ngày 10/3/2017, ông Hoàng Anh Dũng - thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin thôi làm thành viên Hội đồng quản trị. Để đảm bảo sự hoạt động ổn định, hiệu quả của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, ngày 16/3/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Hùng làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019, thay thế ông Hoàng Anh Dũng. Quyết định này của HĐQT đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 (tổ chức ngày 12/4/2017).

Ngày 03/10/2017, trên cơ sở có đơn xin thôi làm thành viên HĐQT của ông Lê Xuân Thành và đơn xin từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT của ông Phùng Đệ vì lý do cá nhân, HĐQT Công ty đã họp và nhất trí việc bầu ông Nguyễn Hoa Cương làm thành viên HĐQT và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Hoa Cương thay thế ông Phùng Đệ, thời gian: Kể từ ngày 03/10/2017.

1. Hoạt động của HĐQT

HĐQT họp định kỳ hằng quý để thông qua báo cáo kết quả SXKD, định hướng hoạt động cho quý tiếp theo. Bên cạnh đó, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Năm 2017, HĐQT đã tổ chức 3 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, 4 phiên họp tập trung, ban hành 11 nghị quyết, 12 quyết định; tập trung cho công tác nhân sự

của HĐQT và Ban điều hành, định hướng cho chiến lược SXKD của Công ty, định hướng đối với việc tổ chức sắp xếp các phòng ban, chi nhánh.

Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện các quyết định - nghị quyết của HĐQT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tuân thủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; đồng thời HĐQT cũng tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Hoạt động của HĐQT trong năm đã tuân thủ đúng quy định của luật định, Điều lệ Công ty. Thù lao của HĐQT năm 2017 được chi trả là 246 triệu đồng.

2. Kết quả hoạt động

a) Công tác tổ chức bộ máy điều hành Công ty

Tại thời điểm tháng 12/2017, Công ty có sự biến động nhân sự cấp cao khi 2 Phó Tổng giám đốc chính thức nghỉ việc.

Cũng trong tháng 12, Công ty thành lập Văn phòng tại Hà Nội và thiết lập thêm phòng Marketing và dự án, với 8 nhân sự được bổ sung, nhằm thực hiện mục tiêu: tập trung phát triển - mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm, thương hiệu theo hướng chuyên nghiệp, khoa học hơn.

Thông qua ý kiến của các cổ đông bằng văn bản, Công ty đã quyết định đổi tên mới, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giao dịch và phù hợp với xu hướng đa dạng hóa lĩnh vực SXKD của Công ty trong thời gian tới. Kể từ ngày 13/12/2017, tên mới: Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam chính thức được đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia.

b) Công tác chỉ đạo, giám sát Ban điều hành

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT luôn theo dõi tình hình hoạt động của Công ty; thường xuyên giám sát chặt chẽ đối với Ban Tổng giám đốc, thông qua việc kiểm điểm, đánh giá và có Nghị quyết chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, để đạt được hiệu quả ở mức cao nhất.

<u>- Kết quả sản xuất kinh doanh:</u>

HĐQT đã lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn, để hoạt động SXKD của Công ty giữ vững sự ổn định. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao năm 2017 như sau:

- Tổng doanh thu: 294,683 tỷ đồng, đạt 94% so với kế hoạch.

Trong đó, doanh thu sản xuất CN đạt 286,410 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 15,076 tỷ đồng, bằng 100,5% so với kế hoạch.

- Tổng tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2017: 154,935 tỷ đồng, tăng 23% so với thời điểm kết thúc năm 2016.

(Về số liệu cụ thể các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2017: được thể hiện trong Báo cáo của Ban điều hành và Báo cáo tài chính năm 2017)

- Công tác đầu tư, kỹ thuật và quản lý chất lượng

Tổng mức đầu tư trong năm là 9.277.976.731 đồng, trong đó tập trung vào việc đầu tư máy móc thiết bị, khuôn mẫu, phương tiện vận tải; cải tạo nhà để xe và các công trình phụ trợ cho sản xuất.

Công tác kỹ thuật được quan tâm, chú trọng; năm 2017 K.I.P Việt Nam thực hiện thiết kế 11 loại sản phẩm mới, cải tiến 13 loại sản phẩm và 5 chi tiết được thiết kế cải tiến về công nghệ để giảm thiểu thời gian gia công, tiết kiệm vật tư, tăng năng suất lao động.

Công tác quản lý chất lượng tiếp tục được đẩy mạnh, chất lượng sản phẩm cơ bản đảm bảo tính ổn định, giữ vững niềm tin khách hàng đối với hệ thống sản phẩm của K.I.P Việt Nam.

- Công tác quản lý và sử dụng vốn, tài sản

Tình hình tài chính của Công ty trong năm qua tiếp tục đảm bảo lành mạnh, cơ cấu vốn và tài sản hợp lý. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản để phục vụ hoạt động SX - KD có hiệu quả, bảo đảm và phát triển được nguồn vốn của cổ đông. *(Số liệu cụ thể: phản ánh trong Báo cáo tài chính năm 2017).*

- Công tác quản lý cổ đông

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 12/4/2018, Công ty có 148 cổ đông hiện hữu, nắm giữ 5.680.000 cổ phần, trong đó gồm 1 cổ đông pháp nhân; cổ đông nắm giữ từ 5% tổng vốn điều lệ trở lên có 2 cổ đông.

- Các mặt công tác khác: quản lý lao động, tiền lương, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp - phòng chống cháy nổ đều được HĐQT chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt, đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

HĐQT đề ra các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp hoạt động cho năm 2018 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng doanh thu	Đồng	494.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	17.000.000.000
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL/năm	10%
4	Tổng mức đầu tư	Đồng	90.000.000.000

2. Biện pháp hoạt động

a) Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh, đồng thời giám sát chặt chẽ, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ; các nghị quyết và quyết định của HĐQT.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả dự án đầu tư, theo sát tiến độ các hạng mục đầu tư của năm 2018.

c) Tập trung xây dựng, quảng bá thương hiệu KIP theo Bộ nhận diện thương hiệu mới.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

Nguyễn Hoa Cương

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban LĐ, HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2018/BC-BKS/KIP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018*

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty;
- Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty CP K.I.P Việt Nam năm 2017.

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Năm 2017, thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP K.I.P Việt Nam, Ban kiểm soát đã họp thống nhất phân công nhiệm vụ và định kỳ hàng quý kiểm soát hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Kiểm tra tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý; trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các văn bản trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý và năm của Công ty.
- Kiểm tra công tác phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ tích cực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các đơn vị chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban.

Năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị hay khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

Thù lao Ban kiểm soát đã nhận được trong năm 2017 là 90 triệu đồng, trong đó trong quý 1 Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng, các thành viên 1.500.000 đồng/người/tháng. Ba quý còn lại Trưởng ban: 4.000.000 đồng/tháng; các thành viên: 2.000.000 đồng/người/tháng.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Đánh giá công tác quản lý, điều hành:

1.1 Công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT):

HĐQT Công ty gồm có 5 thành viên. ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã phê chuẩn quyết định của HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Hùng làm thành viên HĐQT thay thế ông Hoàng Anh Dũng. Tháng 10/2017, HĐQT ban hành quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Hoa Cương làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019 thay thế ông Lê Xuân Thành; bổ nhiệm ông Nguyễn Hoa Cương giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay thế ông Phùng Đệ.

Năm 2017, HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định một cách kịp thời, hợp lệ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; công tác phát hành cổ phiếu ra công chúng; công tác nhân sự; phát triển thương hiệu, đổi tên Công ty; thành lập mới phòng RD và phòng Marketing,...

HĐQT thực hiện tốt công tác giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động HĐQT, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện tốt vai trò quản trị Công ty.

1.2 Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Cuối năm 2017, Công ty đã miễn nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc. Tính đến thời điểm hiện tại, Ban Tổng Giám đốc chỉ còn 01 thành viên.

Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, do đó thuận lợi trong việc nắm bắt chủ trương và chủ động thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty.

Năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định; triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT; chủ động, tích cực trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh; công tác nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật; công tác thị trường, quảng bá sản phẩm, thương hiệu,...

2. Thẩm định báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung trong Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Xét trên phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Một số chỉ tiêu tài chính trọng yếu tóm tắt như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
1	**Cơ cấu tài sản**			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	25,92	24,41
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	74,08	75,59
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18,26	20,13
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	81,74	79,87
3	**Khả năng thanh toán**			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,95	2,96
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,49	4,19
4	**Tỷ suất lợi nhuận**			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,08	4,67
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	8,56	11,17
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,58	15,53

Các tỷ lệ và hệ số trên đây phản ảnh tính tình tài chính của Công ty tốt, lành mạnh và an toàn và tương đối ổn định.

3. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

3.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2017:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH
1	2	3	4=3/2
1. Tổng Doanh thu và thu nhập khác	315.000.000.000	297.579.631.726	94,47%
2. Lợi nhuận trước thuế	15.000.000.000	15.076.576.764	100,51%
3. Tổng mức đầu tư	21.000.000.000	9.277.976.731	44,18%
4. Thù lao HĐQT, BKS	360.000.000	336.000.000	93,33%

3.2. Công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành thành công 1.120.000, cổ phần với giá 24.000, đồng/cổ phần, chiếm 98,25% tổng số cổ phần được phép phát hành, cụ thể :

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100 :25 là : 969.203 cổ phần, chiếm 85,02% tổng số cổ phần được phép phát hành.

- Phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết cho đối tượng khác theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐQT ngày 13/10/2017với số lượng là : 150.797, cổ phần, chiếm 13,23% cổ phần được phép phát hành.

- Tổng số tiền thu từ đợt phát hành : 26.880.000.000, đồng.
- Tổng số tiền chi cho đợt phát hành : 77.100.000, đồng.
- Tổng thu ròng từ đợt phát hành : 26.802.900.000, đồng

Công tác phát hành cổ phiếu đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành. Theo đó, Công ty đã thực hiện sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty ; thay đổi đăng ký kinh doanh với số vốn điều lệ mới ; đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký giao dịch bổ sung với số lượng cổ phần tăng thêm trong đợt chào bán và đã được Ủy ban Chứng khoán đã ra thông báo số 7556/UBCK-QLCB ngày 07/11/2017 về kết quả giao dịch, được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 06/12/2017chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch.

Số tiền huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng được bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty phê duyệt.

3.3. Công tác đầu tư:

Năm 2017, Công ty đã đầu tư mới một số máy móc thiết bị, khuôn mẫu, phương tiện vận tải; cải tạo một số công trình phụ trợ cho sản xuất với tổng số tiền là 9.277.976.731, đồng.

Công tác đầu tư được thực hiện đầy đủ thủ tục, tuân thủ quy định hiện hành, bước đầu mang lại hiệu quả và phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ :

Năm hoạt động 2017, Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nghĩa vụ thuế với Ngân sách nhà nước; đảm bảo việc làm, thu nhập và các quyền lợi khác cho người lao động; hoạt động tài chính lành mạnh, vốn đầu tư của các cổ đông được bảo toàn và phát triển.

Để tiếp tục phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty, Ban kiểm soát kiến nghị một số việc như sau:

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là khối kinh doanh, phát triển thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Phát huy hiệu quả của các hạng mục đã đầu tư, bám sát tiến độ các hạng mục đang triển khai đầu tư nhằm cải tiến công nghệ, tối ưu hoá năng lực thiết bị trong thiết kế, chế tạo sản phẩm; tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty.
- Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu nhằm quảng bá sản phẩm, nâng cao tính chuyên nghiệp của Công ty đối với khách hàng và công chúng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

DƯƠNG VIỆT NGA

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- Lưu BKS.

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 107 /TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP K.I.P Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP K.I.P Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, bao gồm:

- Báo cáo của kiểm toán viên.
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017.
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2017.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH**
- HĐQT;	
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.	
	Nguyễn Hoa Cương

Số: 200318.046/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam được lập ngày 18 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Vũ Xuân Biển	**Dương Quân Anh**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1	Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC .. 1625 ... QUYỂN SỐ. 01 SCT/BS
NGÀY. 30 -03- 2018
CT/PCT ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN KHANH

CHỦ TỊCH
Trần Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2017
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *ĐVT: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2017	Thực hiện 31/12/2016	So sánh (%)
	TÀI SẢN	1	2	3=1/2
A	**Tài sản ngắn hạn**	**114.773.904.328**	**95.157.391.862**	**121**
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	45.539.442.623	22.242.364.728	**205**
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.196.150.322	31.554.859.858	**77**
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	30.413.055.089	13.404.918.192	**227**
IV	Hàng tồn kho	14.015.041.410	27.955.249.084	**50**
V	Tài sản ngắn hạn khác	610.214.884	0	
B	**Tài sản dài hạn**	**40.161.812.183**	**30.727.195.971**	**131**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**204.000.000**		
II	**Tài sản cố định**	**33.562.387.973**	**29.995.906.285**	**112**
1	Tài sản cố định hữu hình	29.224.787.973	25.658.306.285	**114**
	- Nguyên giá	95.259.878.119	87.239.701.961	**109**
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(66.035.090.146)	(61.581.395.676)	**107**
2	Tài sản cố định vô hình	4.337.600.000	4.337.600.000	**100**
III	**Tài sản dở dang dài hạn**	**4.996.049.436**		
IV	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**100.000.000**	**100.000.000**	**100**
V	**Tài sản dài hạn khác**	**1.299.374.774**	**631.289.686**	**206**
	Tổng cộng tài sản	**154.935.716.511**	**125.884.587.833**	**123**
	NGUỒN VỐN			
A	**Nợ phải trả**	**28.286.613.722**	**25.342.451.221**	**112**
I	**Nợ ngắn hạn**	**25.537.758.957**	**22.703.939.316**	**112**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	17.048.373.904	16.797.680.701	**101**
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28.788.394	247.714.233	**12**
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	129.490.303	517.102.593	**25**
4	Phải trả người lao động	6.100.248.393	2.129.785.529	**286**
5	Phải trả ngắn hạn khác	265.097.058	316.353.467	**84**
6	Qũy khen thưởng, phúc lợi	1.965.760.905	2.695.302.793	**73**
II	**Nợ dài hạn**	**2.748.854.765**	**2.638.511.905**	**104**
B	**Vốn chủ sở hữu**	**126.649.102.789**	**100.542.136.612**	**126**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**126.649.102.789**	**100.542.136.612**	**126**
	- Vốn góp của chủ sở hữu	56.800.000.000	45.600.000.000	**125**
	- Thặng dư vốn cổ phần	30.546.900.000	14.944.000.000	**204**
	- Quỹ đầu tư phát triển	25.287.404.209	23.287.404.209	**109**
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.014.798.580	16.710.732.403	**84**
	Tổng cộng nguồn vốn	**154.935.716.511**	**125.884.587.833**	**123**

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016	So sánh (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.683.058.089	300.018.694.206	**98**
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.076.576.764	17.532.293.106	**86**
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.014.798.580	14.002.771.654	**86**
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.581	3.116	**83**
5	Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ (%)	15%	20%	**75**

* Tiền lương của Tổng giám đốc năm 2017: 427.955.184 đồng

* Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2017: 246.000.000 đồng

* Thù lao của BKS năm 2017: 90.000.000 đồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thị Thúy

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

Phùng Đệ

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 108 /TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên 45,6 tỷ đồng (báo cáo đã được kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP K.I.P Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP K.I.P Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên 45,6 tỷ đồng (báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC), bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
- Báo cáo kiểm toán.
- Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán.
- Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH**
- HĐQT;	
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.	
	Nguyễn Hoa Cương

BẢN SAO

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN 1
Thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04 -05
Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán	06-07
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn	08-09

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên
Ông Hoàng Đình Phẩm	Thành viên
Ông Lê Xuân Thành	Thành viên
Ông Tạ Trung Hiếu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đăng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thanh	Thành viên
Bà Bùi Thị My	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.0000 đồng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN 1

Phùng Đệ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 10 tháng 06 năm 2017

HÌNH THỨC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
CHỨNG THỰC 3803 QUYỂN SỐ 02 SCT/BS
NGÀY 21-06-2017
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN KHANH

PHÓ CHỦ TỊCH
Bùi Hồng Hà

Số 1727/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng kèm theo của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 được lập ngày 10 tháng 06 năm 2017, từ trang 06 đến trang 09, bao gồm: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng (Báo cáo tình hình sử dụng vốn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 được lập tại ngày 10 tháng 06 năm 2017 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chính sách kế toán

Chúng tôi lưu ý người đọc rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để giúp Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC
M.S.D.N - 0100111105 - C.T.T.N.H.H - Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Vũ Xuân Biển	**Dương Quân Anh**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1	Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 34.000.000.000 ĐỒNG LÊN 45.600.000.000 ĐỒNG

I. Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

TT	Nội dung	Thông tin
1	Tên chứng khoán chào bán	: Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Khí cụ điện 1
2	Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá	: 10.000 đồng/Cổ phiếu
4	Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	: 1.160.000 cổ phiếu
5	Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến theo mệnh giá	: 11.600.000.000 đồng
6	Thời gian phát hành	: Trong năm 2016
7	Hình thức chào bán	: Chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho CBCNV

II. Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

	Giá trị
Số lượng cổ phần (cổ phần)	*1.160.000*
Giá bán (VND/cổ phần)	*10.000*
Thành tiền (VND)	**11.600.000.000**
Trong đó:	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	11.600.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần (VND)	2.244.000.000
Tổng thu ròng từ phát hành thêm (VND)	**13.844.000.000**

(Bằng chữ: Mười ba tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn).

III. Kế hoạch sử dụng vốn theo phương án phát hành

Nghị quyết số 672/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 09 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 96/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 12 năm 2015;

Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 888/TB-KCĐ1 ngày 02 tháng 12 năm 2015;

Kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành thêm 1.160.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng như sau:

- Tổng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành là 13.920.000.000 đồng. Kế hoạch sử dụng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành: Bổ sung vốn lưu động và Đầu tư trang thiết bị, Xây dựng cơ bản với số tiền lần lượt là 4,6 tỷ đồng và 9,32 tỷ đồng.

IV. Báo cáo tình hình sử dụng vốn

1. Phương án sử dụng vốn

Phương án sử dụng vốn sau phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 672/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 09 năm 2015 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết, tổng số vốn thu được sau khi phát hành cổ phiếu được sử dụng cho các mục đích sau:

Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)
Bổ sung vốn lưu động	**4,60**
Đầu tư trang thiết bị và xây dựng cơ bản, gồm:	**9,32**
- 02 máy ép nhựa cứng	3,50
- 01 máy điện cực dây CNC	1,82
- Các máy bao gói sản phẩm	0,45
- 01 máy dập tự động	0,30
- Cơ cấu dập, ta-rô tự động	0,25
- Cải tạo nhà xưởng chính	3,00

2. Tình hình sử dụng vốn:

Căn cứ vào tình hình thực tế, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu đã được sử dụng như sau:

Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)
Bổ sung vốn lưu động	**4,60**
Đầu tư trang thiết bị và xây dựng cơ bản, gồm:	**9,32**
- 02 máy ép nhựa cứng	3,50
- 01 máy điện cực dây CNC	1,82
- Các máy bao gói sản phẩm	0,45
- 01 máy dập tự động	0,30
- Cơ cấu dập, ta-rô tự động	0,25
- Cải tạo nhà xưởng chính	3,00

Phan Thị Thúy	Phan Thị Thúy	Phùng Đệ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 10 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 45.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45.600.000.000 đồng; tương đương 4.560.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
- Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV;
- Thi công xây lắp cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện;
- Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;
- Kinh doanh bất động sản.

2 . CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 34.000.000.000 ĐỒNG LÊN 45.600.000.000 ĐỒNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng của Công ty kèm theo trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

2.2 . Kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập sau 17 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1. Ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu là ngày 22/01/2016 (Ngày nhận được công văn của UBCKNN)

2.3 . Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng của Công ty chỉ được dùng để báo cáo tình hình sử dụng vốn theo Nghị quyết số 672/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 09 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng số 96/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/12/2015.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để giúp Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

3 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tình hình sử dụng vốn đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn này.

Phan Thị Thúy	**Phan Thị Thúy**	**Phùng Đệ**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 10 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 114./TT-HĐQT	*Sơn Tây, ngày 28 tháng 4 năm 2018*

TỜ TRÌNH
Về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông về Phương án phát hành tăng vốn điều lệ với các nội dung chi tiết như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán số 62/2010/QH ngày 24/11/2010 và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan;

- Căn cứ Điều lệ và kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2018

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam
- Tên tiếng Anh: VIETNAM K.I.P JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: K.I.P Việt Nam
- Mã chứng khoán: KIP
- Niêm yết tại: Sàn Upcom Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Địa chỉ: Phường Xuân Khanh – Thị xã Sơn Tây – Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 02433 838181
- Vốn điều lệ đăng ký: 56.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 56.800.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500447942 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 13/12/2017 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất - kinh doanh thiết bị điện

2. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ

Việc K.I.P tiếp tục tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và năng lực cạnh tranh của K.I.P, cụ thể:

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông hiện hữu;
- Thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Phát triển các nghiệp vụ của Công ty;
- Nâng cao năng lực tài chính của Công ty;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

3. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

3.1. Mức tăng vốn điều lệ

- Vốn điều lệ thực góp trước khi phát hành: 56.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến phát hành tăng thêm trong năm 2018: 41.202.720.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành trên số vốn điều lệ hiện tại: 72,54%
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2018: 98.002.720.000 đồng

3.2. Phương án tăng vốn điều lệ

Công ty Cổ phần K.I.P xây dựng và đề xuất phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Đối tượng phát hành: là các cổ đông có tên trên Danh sách cổ đông tại ngày chốt Danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị, được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông báo xác nhận.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 4.120.272 cổ phần
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:0,7254 (01 cổ phần tương ứng với 01 quyền, 01 quyền được mua 0,7254 cổ phần mới)
- Ví dụ: cổ đông A sở hữu 12.345 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông A có 12.345 quyền mua và được mua 12.345x0,7254=8.955,063 cổ phần. Sau khi làm tròn xuống thì số cổ phần được mua của cổ đông A là 8.955 cổ phần.
- Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phần
- Nguyên tắc xác định giá phát hành:
  - ✓ Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2017

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành} - \text{Số lượng Cổ phiếu quỹ}}$$

$$= \frac{126.649.102.789}{5.680.000} = 22.297 \text{ đồng/cổ phần}$$

  - ✓ Giá trên thị trường của cổ phiếu KIP:

    Giá trị thị trường bình quân 20 phiên (từ ngày 28/02/2018 đến ngày 27/03/2018) là 16.000 đồng/cổ phần

✓ Giá pha loãng của cổ phiếu KIP:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$Ppl = \frac{Pt + Pr1*I1}{1 + I1}$$

$$= \frac{16.000 + [15.000 * 0,7254]}{1 + 0,7254} = 15.580 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

- Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- Pt: 16.000 đồng/cổ phần (Giá thị trường giả định của cổ phiếu tại ngày phát hành);
- Pr1: 15.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu);
- I1: 0,7254 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ tăng vốn này được tính = 4.120.272 cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu/5.680.000 cổ phần đang lưu hành).

Đối với cổ phiếu của Công ty được chào bán cho cho cổ đông hiện hữu, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được xác định là 15.000 đồng/cổ phần.

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thoả thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
- Nguyên tắc làm tròn: Khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết:

Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định Phương án xử lý, Hội đồng quản trị chủ động tìm kiếm, lựa chọn các nhà đầu tư khác và thực hiện phân phối số cổ phiếu chưa chào bán hết cho các nhà đầu tư đảm bảo đợt chào bán tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông; bao gồm nhưng không hạn chế ở việc phân phối lại cho các đối tượng khác (bao gồm cả những nhà đầu tư được chọn mua cổ phiếu theo Khoản 3 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015, cụ thể: *"Chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu liên quan đến các ngưỡng phải chào mua công khai theo Luật Chứng khoán; Chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó từ 10% trở lên vốn điều lệ của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán trong 12 tháng gần nhất.")* với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 15.000 đồng/cổ phần; hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc bảo lãnh phát hành một phần hoặc toàn bộ số cổ phần từ chối mua với giá cổ phần nhận bảo lãnh là 15.000 đồng/cổ phần.

- Điều kiện chuyển nhượng của cổ phần phát hành thêm:
  - Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua là cổ phần phổ phông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
  - Số lượng cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT được tự do chuyển nhượng.
  - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
  - Số lượng cổ phần do đơn vị bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành (nếu có) được tự do chuyển nhượng.

- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép

- Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu

Do số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên nên các rủi ro về pha loãng có thể xảy ra như (i) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS), (ii) pha loãng tỷ lệ nắm giữa và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.

Sau khi hoàn tất đợt phát hành ra công chúng, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty dự kiến tăng lên tương ứng như sau:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.680.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.120.272 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau phát hành: 9.800.272 cổ phiếu

(i) Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần:

- Thu nhập cơ bản trêm mỗi cổ phần (EPS) năm 2017:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi/(lỗ) chia cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X * (12 - T) + Y * T}{12}$$

X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành thêm

T: thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả định ngày hoàn tất đợt phát hành của Công ty là 01/10/2018. Khi đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{5.680.000*9 + 9.800.272*3}{12} = 6.710.068 \text{ cổ phần}$$

Giả định lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty là 14.000.000.000 đồng, khi đó:

$$\text{EPS năm 2018 trước khi pha loãng} = \frac{14.000.000.000}{5.680.000} = 2.465 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

$$\text{EPS năm 2018 sau khi pha loãng} = \frac{14.000.000.000}{6.710.068} = 2.086 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Với 2 giả định gồm: (i) đợt chào bán hoàn tất vào ngày 01/10/2018 và (ii) lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty đạt 14.000.000.000 đồng, thì sau khi phát hành, EPS năm 2018 sau khi phát hành sẽ giảm 15,36% so với trước khi phát hành thêm cổ phiếu.

(ii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất đợt phát hành, nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ giảm trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu.

- Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến của đợt phát hành:

  Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 80%.

- Xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành:

  Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số lượng cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

  - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;
  - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng…

- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

  - Tổng số vốn dự kiến thu được từ việc chào bán cổ phiếu: 61.804.080.000 đồng
    - ➢ Phương án sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu (61.804.080.000 đồng) dùng để đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị quản lý và xây dựng cơ bản phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

    Ủy quyền cho HĐQT lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

- ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

4. Ủy quyền cho HĐQT:

- Lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp;
- Chủ động xây dựng, giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng có thẩm quyền;

- Xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
- Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
- Sau khi hoàn thành toàn bộ các công việc phát hành, ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và đăng ký điều chỉnh giấy phép hoạt động liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành tăng vốn điều lệ này theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một số công việc cụ thể nêu trên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua toàn bộ nội dung Phương án phát hành tăng vốn năm 2018 của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

Nguyễn Hoa Cương

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 109 /TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn quyết định bầu và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2014 - 2019 đối với ông Nguyễn Hoa Cương

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP K.I.P Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 05/12/2017,

Hội đồng quản trị Công ty CP K.I.P Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê chuẩn quyết định bầu thành viên HĐQT và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2014 - 2019 đối với ông Nguyễn Hoa Cương như sau:

Ngày 19/9/2017, ông Lê Xuân Thành có đơn xin thôi làm thành viên HĐQT, ngày 28/9/2017 ông Phùng Đệ có đơn xin từ nhiệm chức danh Chủ tịch, vì lý do cá nhân.

Để đảm bảo sự hoạt động ổn định, hiệu quả của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, ngày 03/10/2017 HĐQT Công ty đã họp và nhất trí việc bầu ông Nguyễn Hoa Cương làm thành viên HĐQT và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Hoa Cương thay thế ông Phùng Đệ, thời gian: Kể từ ngày 03/10/2017.

Hội đồng quản trị Công ty CP K.I.P Việt Nam kính trình ĐHĐCĐ phê chuẩn quyết định bầu ông Nguyễn Hoa Cương làm thành viên HĐQT và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Hoa Cương thay thế ông Phùng Đệ, thời gian: Kể từ ngày 03/10/2017.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH**
- HĐQT;	
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.	CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM
	Nguyễn Hoa Cương

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 110 /TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP K.I.P Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 05/12/2017;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC),

Hội đồng quản trị Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Giá trị
I	**Lợi nhuận năm 2016 để lại**	**2.000.000.000**
II	**Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017**	**12.014.798.580**
III	**Tổng lợi nhuận (I + II)**	**14.014.798.580**
IV	**Tổng lợi nhuận phân phối**	**13.514.798.580**
	Trong đó:	
1	Chi trả cổ tức 15%	8.520.000.000
2	Quỹ Khen thưởng	3.014.798.580
3	Quỹ Phúc lợi	1.500.000.000
4	Quỹ Thưởng ban quản lý điều hành (4% lợi nhuận sau thuế)	480.000.000
V	**Lợi nhuận còn lại (III – IV)**	**500.000.000**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

Nguyễn Hoa Cương

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 111 /TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018
và lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP K.I.P Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 05/12/2017;

Căn cứ kết quả sản xuất - kinh doanh và hiệu quả tài chính của Công ty đạt được trong năm 2017;

Căn cứ tình hình thực tế sản xuất - kinh doanh của Công ty năm 2018;

Hội đồng quản trị Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018 và lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018 như sau:

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
I	**Về sản xuất - kinh doanh**		
1	Tổng doanh thu	Đồng	494.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	17.000.000.000
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL/năm	10%
4	Tổng mức đầu tư	Đồng	90.000.000.000
II	**Về thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành**		
1	Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	360.000.000
2	Quỹ thưởng Ban điều hành		4% lợi nhuận sau thuế

2. Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018

Tên công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

Nguyễn Hoa Cương

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 112 /TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP K.I.P Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Để đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với thực tế của Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

1. ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam theo các nội dung cụ thể tại Bản Dự thảo sửa đổi - bổ sung Điều lệ Công ty đính kèm Tờ trình này.

2. Các nội dung chính được sửa đổi, bổ sung tại bản Dự thảo:

a) Bố cục Điều lệ: Điều lệ hiện hành gồm 21 Chương, 53 Điều. Dự thảo Điều lệ gồm 21 Chương, 55 Điều.

b) Bổ sung thêm các nội dung về: người đại diện theo pháp luật; các hình thức biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ; các công việc của người triệu tập họp ĐHĐCĐ; quy định hình thức hội nghị trực tuyến đối với việc họp của Hội đồng quản trị; quy định cụ thể về biên bản họp HĐQT; bổ sung quy định về ứng cử, đề cử kiểm soát viên, tiêu chuẩn kiểm soát viên.

c) Sửa đổi thêm các nội dung khác phù hợp với quy định của Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC và thực tế hoạt động của Công ty.

3. Giao HĐQT hoàn thiện Dự thảo Điều lệ Công ty, ban hành và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Bản Điều lệ của Công ty có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua!

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH**
- HĐQT;	
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.	
	Nguyễn Hoa Cương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

(Sửa đổi lần thứ 9 ngày ..... tháng ..... năm 2018)

Hà Nội, năm 2018

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 4

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 6

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 7

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 9
Điều 10. Thu hồi cổ phần 9

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty 9

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 10
Điều 12. Quyền của cổ đông 10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ 13

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 14
Điều 16. Các đại diện được uỷ quyền 14
Điều 17. Thay đổi các quyền 15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 21. Điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ 22

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 24
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 27
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 27

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 31
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý 31
Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp 31
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 31
Điều 33. Thư ký Công ty 32

IX. BAN KIỂM SOÁT 32
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 32
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát 33

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 34
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 35
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng 35
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 35
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 36
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 37
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 37
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn 37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 38
Điều 42. Phân phối lợi nhuận 38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 38
Điều 43. Tài khoản ngân hàng 38
Điều 44. Năm tài chính 39
Điều 45. Chế độ kế toán 39
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 39
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 39
Điều 47. Báo cáo thường niên 40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 40
Điều 48. Kiểm toán 40
XVII. CON DẤU 40
Điều 49. Con dấu 40
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 40
Điều 50. Chấm dứt hoạt động 40
Điều 51. Gia hạn hoạt động 41
Điều 52. Thanh lý 41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 42
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ 42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 42
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 42
Điều 55. Ngày hiệu lực 42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam thông qua chính thức tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 16 tháng 3 năm 2004, được sửa đổi - bổ sung gần nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày ….. tháng …. năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

d) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chuyên môn, Trợ lý Tổng giám đốc, Chánh văn phòng kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Giám đốc/Trưởng chi nhánh, Trưởng - phó các đơn vị;

đ) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

e) "Thành viên HĐQT không điều hành" là thành viên HĐQT không phải là người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ Công ty

f) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

g) "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

h) "Cổ đông" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ và thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM
- Têng tiếng Anh: Vietnam K.I.P Joint Stock Company.
- Tên giáo dịch: K.I.P Việt Nam

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 02433.838 181 Fax: 02433.838 405
- Email: info@vinakip.vn
- Website: kipvietnam.vn, www.vinakip.vn.

4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có quyền thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty bao gồm 4 chi nhánh như sau:

a) Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 96 - 98 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

b) Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 30, đường Hòa Nam 5, tổ 249, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

c) Chi nhánh Buôn Ma Thuột

Địa chỉ: 22 Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc

d) Chi nhánh miền Nam

Địa chỉ: 185 -189 Âu Cơ, phường 14, quận 11, TP Hồ Chí Minh.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Việc chấm dứt thời hạn hoạt động của Công ty do ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực sản xuất - kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	8299
2	Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV, thi công xây lắp cơ sở hạ tầng	4329
3	Kinh doanh bất động sản	8299

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động vốn của cổ đông và sử dụng vốn hiệu quả trong các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh của Công ty và các hình thức khác trong phạm vi pháp luật cho phép, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động, tăng

lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp tích cực để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng).

Tổng vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.680.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

3. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu.

Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (không quá lãi suất của Ngân hàng cho Công ty vay vốn) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Tất cả cổ đông của Công ty là cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán chuyên ngành;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất 6 tháng có các quyền sau:

a) Đề cử người vào HĐQT và BKS.

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

c) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có

họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

4. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính năm;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

đ) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm và định hướng phát triển Công ty;

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

g) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

h) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

i) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;

m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 2 cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của công ty không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông

báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f) Lập thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

Các tài liệu họp theo thông báo mời họp cổ đông sẽ được Công ty đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty và trong thông báo mời họp được ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu, để cổ đông tiếp cận được các tài liệu, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, chữ ký người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 điều này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d) Các trường hợp khác.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 điều này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:
a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

8. Chủ toạ đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

11. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc trực tiếp tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (địa điểm chính của đại hội);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hằng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số

phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư

điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó; hoặc chữ ký của cá nhân được ủy quyền (*)

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 - Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biến bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 – Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 – Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

f) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng

viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 6 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 7 ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 8 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 – Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c) Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

d) Trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.e Điều lệ này;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng

viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 6 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 7 ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 8 ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Phê chuẩn việc đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý khác trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

đ) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

e) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

l) Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

n) Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, đảm đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

f) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

h) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty, trừ trường hợp quy định của pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a) Ban kiểm soát;

b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c) Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào thành viên của tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

g) Các vấn đề đã được thông qua;

Biên bản được coi là hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc

- Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc

- Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc, ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

g) Tuyển dụng lao động.

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của HĐQT.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của HĐQT. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. HĐQT có thể bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một (01) Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 33. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp.

b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

* Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để phục vụ cho công việc của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (nếu có) để trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, hằng tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 – Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

6. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

8. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài

chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

9. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

10. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên HĐQT, Tổng GĐ và người có liên quan của họ.

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 – Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

5. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

6. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu hóa và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng GĐ có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện

theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 3 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng chỉ đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này và phải nộp báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (khi công ty đã niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo 6 tháng và quý theo các quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán (khi đã niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo 6 tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và các chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

đ) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết các tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 55 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoa Cương

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 113 /TTr-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Sơn Tây, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP K.I.P Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Để đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với thực tế của Quy chế quản trị nội bộ Công ty Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty như sau:

1. Về nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ được sửa đổi - bổ sung theo mẫu Quy chế mới ban hành theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và đảm bảo sự phù hợp với các nội dung của Điều lệ hiện hành của Công ty.

Toàn văn Bản dự thảo Quy chế quản trị nội bộ được đính kèm Tờ trình này.

2. Giao HĐQT hoàn thiện Quy chế, ban hành và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Quy chế quản trị nội bộ của Công ty có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua!

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH**
- HĐQT;	
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.	
	Nguyễn Hoa Cương

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày ……/…..2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP K.I.P Việt Nam)

CHƯƠNG I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị nội bộ công ty quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty đối với Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), giao dịch với người có liên quan, vấn đề báo cáo và công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015.

b) Nghị định 71/2017 là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

c) Người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT.

d) Người điều hành Công ty là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trợ lý Tổng giám đốc, Giám đốc chuyên môn, Trưởng - phó các phòng ban, Giám đốc, phó giám đốc các xưởng sản xuất.

đ) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

e) Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 điều này.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hay một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với nội dung Nghị định 71/2017 thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty

Quản trị công ty được xây dựng với mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đảm bảo tính minh bạch và quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc:

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả

2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan

4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông

5. Công khai, minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG II.
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 71/2017.

2. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại Nghị định 71/2017:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

a) HĐQT phải xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp.

b) Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

c) Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu, căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ: Thực hiện theo Điều lệ Công ty.

3. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ

a) Tất cả cổ đông có quyền dự họp thực hiện thủ tục đăng ký dự họp trước ngày khai mạc cuộc họp theo thông báo của Công ty, để đảm bảo cho công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ được chu đáo.

b) Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự họp ĐHĐCĐ có thể uỷ quyền cho người khác tham dự. Việc uỷ quyền phải được thực hiện theo hướng dẫn của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Cổ đông, người đại diện ủy quyền hợp pháp đến dự họp ĐHĐCĐ muộn được đăng ký ngay khi đến.

4. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a) Cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ bằng Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ và tên hoặc mã số của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền, số cổ phần đại diện và được đóng dấu treo của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam.

b) Các nội dung sử dụng Thẻ biểu quyết để biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm:

- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ Công ty.

- Phê chuẩn quyết định bổ nhiệm bổ sung thành viên HĐQT, BKS.

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

- Các vấn đề quan trọng khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

c) ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Cổ đông biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo một trong ba cách thức: Tán thành, không tán thành hoặc có ý kiến khác.

5. Cách thức kiểm phiếu

a) Ban Kiểm phiếu tiến hành thu Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và sau đó tiến hành kiểm phiếu.

b) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác và minh bạch của công tác kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu; công bố kết quả biểu quyết và khiếu nại về kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ đối với từng vấn đề biểu quyết được Chủ toạ thông báo trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

c) Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được Chủ tọa xem xét và giải quyết ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

6. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

a) Trong cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý hoặc sử dụng phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết để biểu quyết không tán hành hoặc không tham gia

biểu quyết. Nhưng sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ.

b) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

7. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông

a) Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

b) Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước kỳ họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

9. Công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ: Thực hiện công bố thông tin toàn văn Nghị quyết họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

10. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản của cổ đông để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b) Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Thực hiện theo Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Tiêu chuẩn, tư cách thành viên HĐQT

a) Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

b) Từ thời điểm quy chế này có hiệu lực đến ngày 31/7/2020, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc tại Công ty.

c) Từ thời điểm quy chế này có hiệu lực đến ngày 31/7/2019, thành viên HĐQT của Công ty được đồng thời là thành viên HĐQT tại 05 công ty khác.

2. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các thông tin khác (nếu có).

b) Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

c) Cách thức ứng cử, đề cử thành viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông: Thực hiện theo Điều lệ Công ty.

d) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên HĐQT. Việc đề cử ứng cử viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

đ) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Cách thức bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ sẽ hướng dẫn cụ thể việc cổ đông bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu, thông qua xây dựng Quy chế bầu cử, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Quyết định của HĐQT về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT

HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần. Chủ tịch HĐQT phải thông báo họp HĐQT, gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan cho các thành viên HĐQT trước ít nhất 5 ngày họp dự kiến.

2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Thực hiện theo Điều lệ Công ty.

3. Cách thức biểu quyết, thông qua nghị quyết của HĐQT: Thực hiện theo quy định Điều lệ Công ty.

4. Ghi biên bản họp HĐQT, ban hành nghị quyết HĐQT

a) Thư ký Công ty có trách nhiệm ghi chép toàn bộ diễn biến phiên họp, thông qua Biên bản họp HĐQT. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng.

b) Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa và Thư ký phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản, nghị quyết HĐQT được ban hành, được gửi tới tất cả các thành viên HĐQT và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên BKS

Thành viên BKS phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 3 năm liền trước đó.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

đ) Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Nghị định 71/2017.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên BKS: Thực hiện theo quy định Điều lệ Công ty.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự ít nhất là 2/3 số kiểm soát viên. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng kiểm soát viên.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG V.
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 13. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty

1. Thẩm quyền bổ nhiệm

a) HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

b) Tổng giám đốc bổ nhiệm các chức danh điều hành còn lại trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT, trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc và được HĐQT phê chuẩn.

2. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

a) Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc Công ty phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b) Tiêu chuẩn của những người điều hành khác

- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;

- Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;

- Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, mẫn cán trong công việc;

- Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động Người điều hành doanh nghiệp

a) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

b) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm những người điều hành khác

Công ty được tuyển dụng những người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tuỳ từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

3. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty

Tổng giám đốc đề nghị HĐQT xem xét miễn nhiệm người điều hành trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;

b) Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;

c) Tư lợi cá nhân;

d) Có đơn xin từ chức;

đ) Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành

Quyết định của HĐQT về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý thuộc phạm vi quyền hạn của HĐQT được công bố thông tin tới Uỷ ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty, của Uỷ ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Quyết định của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành thuộc phạm vi quyền hạn của Tổng giám đốc được báo cáo tới HĐQT, BKS và thông tin cho toàn thể người lao động trong Công ty biết.

CHƯƠNG VI.
QUY TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Quy trình phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc (TGĐ)

1. Hoạt động của HĐQT, BKS, TGĐ theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế này trên nguyên tắc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 người điều hành Công ty
- Ít nhất 2 thành viên HĐQT
- BKS.

3. HĐQT gửi nghị quyết của HĐQT cho BKS và Tổng giám đốc ngay sau khi ban hành nghị quyết.

4. Tổng giám đốc báo cáo HĐQT về việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, theo hình thức: Báo cáo trực tiếp hoặc qua điện thoại hoặc bằng văn bản.

5. Tổng giám đốc cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty cho BKS, theo hình thức: Cung cấp trực tiếp thông tin hoặc qua điện thoại hoặc bằng văn bản.

6. BKS kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Đánh giá và kiến nghị về hoạt động của Công ty hằng quý, hằng năm với HĐQT.

CHƯƠNG VIII.
GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 16. Giao dịch với cổ đông, người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân. Trường hợp cổ đông là tổ chức hoặc người có liên quan của cổ đông là tổ chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị định 71/2017.

2. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không được thực hiện các giao dịch các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định 71, nếu không được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 17. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty đại chúng phải xây dựng và ban hành quy chế công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty cử 1 nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin có trách nhiệm:

a) Công bố thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG VIII.
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HẰNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY KHÁC

Điều 18. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại

hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.

3. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

Điều 19. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:

- Tự nhận xét đánh giá.

- Cách thức khác do HĐQT/ Ban Kiểm soát/Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.

2. HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.

3. Ban Kiểm soát sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 20. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty.

1. Đối với HĐQT, Ban Kiểm soát: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. HĐQT/Ban Kiểm soát thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 39 Quy chế này.

2. Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của Công ty tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công ty.

2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Công ty từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX.
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam nhất trí thông qua tại cuộc họp ngày ...../...../..... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty ban hành và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-ĐHĐCĐ	*Sơn Tây, ngày tháng năm 2018*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2017;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ngày …… tháng ….. năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội thống nhất thông qua các Báo cáo:

1. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2017.

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.

4. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (từ 34 tỷ đồng lên 45,6 tỷ đồng - báo cáo đã được kiểm toán)

Điều 2. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Giá trị
I	**Lợi nhuận năm 2016 để lại**	**2.000.000.000**
II	**Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017**	**12.014.798.580**
III	**Tổng lợi nhuận (I + II)**	**14.014.798.580**
IV	**Tổng lợi nhuận phân phối**	**13.514.798.580**
	Trong đó:	
1	Chi trả cổ tức 15%	8.520.000.000
2	Quỹ Khen thưởng	3.014.798.580
3	Quỹ Phúc lợi	1.500.000.000
4	Quỹ Thưởng ban quản lý điều hành (4% lợi nhuận sau thuế)	480.000.000
V	**Lợi nhuận còn lại (III – IV)**	**500.000.000**

Điều 3. Thông qua Tờ trình về chỉ tiêu kế hoạch SXKD cơ bản năm 2018 và lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD cơ bản năm 2018

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
I	**Về chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh**		
1	Tổng doanh thu	Đồng	494.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	17.000.000.000
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL/năm	10%
4	Tổng mức đầu tư (không VAT)	Đồng	90.000.000.000
II	**Về thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành**		
1	Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	360.000.000
2	Quỹ thưởng Ban điều hành		4% lợi nhuận sau thuế

2. Thông qua việc tiếp tục lựa chọn công ty kiểm toán cho K.I.P Việt Nam trong năm tài chính 2018 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC). Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Điều 4. Phê chuẩn Quyết định số 78/QĐ-HĐQT và Quyết định số 79/QĐ-HĐQT ban hành ngày 03/10/2017 của HĐQT về việc bầu ông Nguyễn Hoa Cương làm thành viên HĐQT, thay thế ông Lê Xuân Thành và bổ nhiệm ông Nguyễn Hoa Cương – giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2014 - 2019, thay thế ông Phùng Đệ, thời gian: Kể từ ngày 03/10/2018.

Điều 5. Nhất trí thông qua kết quả bầu bổ sung 01 (một) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014 - 2019:

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp
1				

Điều 6. Thông qua Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty CP K.I.P Việt Nam (theo Tờ trình đính kèm) như sau:

1. Thông qua việc tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu.

2. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu và các nội dung khác trên Tờ trình về phương án phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến đợt phát hành để tăng vốn điều lệ, cụ thể:

a) Lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp;

b) Chủ động xây dựng, giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng có thẩm quyền;

c) Xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

d) Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

đ) Sau khi hoàn thành toàn bộ các công việc phát hành, ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và đăng ký điều chỉnh giấy phép hoạt động liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành.

e) Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

f) Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành tăng vốn điều lệ này theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành

g) Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một số công việc cụ thể nêu trên.

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP K.I.P Việt Nam và thông qua việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo Tờ trình của Hội đồng quản trị, nhằm bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế tại Công ty.

Giao HĐQT hoàn thiện, ban hành và công bố thông tin bản Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam và Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này .

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI

Nơi nhận:
- Như Điều 8;
- Website của Công ty;
- UBCKNN; HNX;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM
M.S.D.N: 0500447942-C.T.C.P
TX SƠN TÂY-TP HÀ NỘI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN K.I.P VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 5 năm 2018

PHIẾU BIỂU QUYẾT

HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG: NGUYỄN VĂN A

SỐ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN : XXXXX CỔ PHẦN